TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** TỈNH GIA LAI Bản án số: 136/2024/HS-ST Ngày: 19/7/2024.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngà;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và ông Nguyễn Văn Tuyên;
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Nhớ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Trịnh Nguyễn Thanh An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 110/2024/TLST- HS ngày 16 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Thành M (tên gọi khác: B), sinh ngày 03 tháng 02 năm 1973; tại thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: 59/6/2 đường số D, Cư xá Đ, phường D, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 2/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T (đã chết) và bà: Lê Thị N (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 28/02/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 10 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Chấp hành án tại Trại giam K và Trại giam T2 - Bộ C1; ngày 21/12/2021, chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không. Bị cáo Lê Thành M bị tạm giữ từ ngày 20/12/2023 đến ngày 29/12/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố P (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người chứng kiến: Bà Hồ Thị Hương G, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Thành M sử dụng chất ma túy (loại Methamphetamine) từ năm 2012 và đã bị kết án về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Qua các mối quan hệ ngoài xã hội, bị cáo M biết đối tượng T1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) bán ma túy tại khu vực vòng xay A, Quốc lộ B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 17 giờ ngày 19/12/2023, bị cáo M đến khu vực vòng xay A tìm gặp T1 mua 02 gói ma túy đá với giá 6.000.000 đồng, rồi cất vào túi quần, mục đích để sử dụng. Đến khoảng 01 giờ ngày 20/12/2023, bị cáo M đón xe khách đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố P, để đi du lịch. Khoảng 09 giờ ngày 20/12/2023, bị cáo M đến thành phố P rồi đi bộ tìm thuê phòng khách sạn. Đến 10 giờ ngày 20/12/2023, khi M đang đi bộ đến trước số A đường N, Tổ B, phường H, thành phố P thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang; thu giữ trong túi quần bên phải M đang mặc 02 gói nilon bên trong chứa chất màu trắng dạng tinh thể (được niêm phong theo quy định), cùng 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng kèm sim số. Qua xét nghiệm, xác định bị cáo M dương tính với ma túy loại Methamphetamine.

Qua trưng cầu, tại bản Kết luận giám định số 32 ngày 28/12/2023 của phòng K1 Công an tỉnh G, kết luận: *"Chất màu trắng dạng tinh thể trong 02 túi nilon được niêm phong trong bì công văn đều là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 6,3559 gam"*.

Tại bản Cáo trạng số: 129/CT-VKS, ngày 15/5/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố PleiKu đã truy tố bị cáo: Lê Thành M ra trước Toà án nhân dân thành phố PleiKu để xét xử về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo qui định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Thành M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo mà bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm điểm g, o khoản 2 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thành M từ: 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo M không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật. Vật chứng vụ án đã thu giữ của bị cáo, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy mẫu vật hoàn trả sau khi giám định, không còn giá trị sử dụng là 01(một) bì công văn ghi số 32/PC09 ngày 28/12/2023 có dấu niêm phong của phòng kỹ thuật Công an tỉnh G. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, kèm sim số không liên quan đến hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma tuý của bị cáo, đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo M. Về án phí buộc bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Thành M đã nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét sự vắng mặt người chứng kiến tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thành M tại phiên toà phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Bị cáo Lê Thành M là người có sử dụng chất ma túy, vào lúc 10 giờ ngày 20/12/2023, tại trước khu vực số A đường N, tổ B, phường H, thành phố P, khi bị cáo Lê Thành M đang cất giấu 6,3559 gam ma túy loại Methamphetamine, với mục đích để sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

Hành vi tàng trữ trái phép 6,3559 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng do bị cáo Lê Thành M thực hiện như đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Bị cáo M đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội rất nghiêm trọng do cố ý, nên thuộc trường hợp *"Tái phạm nguy hiểm"*. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thành M đã phạm vào tội *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"* theo quy định các điểm g và o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 249. Tàng trữ trái phép chất ma tuý

" 1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

d) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 05 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

e) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10 kilôgam;

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;

h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililít đến dưới 100 mililít;

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

đ) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội;

e) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 500 gam đến dưới 01 kilôgam;

g) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

h) Lá cây côca; lá khát (lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 25 kilôgam;

i) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilôgam đến dưới 200 kilôgam;

k) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilôgam đến dưới 50 kilôgam;

l) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;

m) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililít đến dưới 250 mililít;

n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này;

o) Tái phạm nguy hiểm.

... ".

Khi sử dụng ma túy loại Methamphetamine bị cáo M cũng nhận thức được tính nguy hiểm của ma tuý nó là tác nhân gây nguy hại lớn cho sức khoẻ của con người khi sử dụng, mặc nhiên bị cáo M đã coi thường sức khoẻ của chính bản thân, xem thường pháp luật, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tình trạng tội phạm, vì vậy cần xử lý nghiêm để ngăn chặn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[3] Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng xem xét giảm nhẹ một phần hình

phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, phấn đấu trở thành một công dân tốt cho xã hội.

[4] Bị cáo M không có tài sản riêng, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với đối tượng tên T1 mà bị cáo Lê Thành M khai, T1 là người đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 19/12/2023. Tuy nhiên bị cáo không biết nhân thân, lai lịch của T1 nên chưa có căn cứ điều tra, xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xem xét và xử lý sau.

[6] Xử lý vật chứng vụ án đã thu giữ trong quá trình điều tra:

- Mẫu vật hoàn trả sau khi giám định là 01(một) bì công văn ghi số 32/PC09 ngày 28/12/2023 có dấu niêm phong của phòng kỹ thuật Công an tỉnh G, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, kèm sim số không liên quan đến hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma tuý của bị cáo, cần tuyên trả lại.

[7] Về án phí: Bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Thành M (Tên gọi khác: B) phạm tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

- Áp dụng điểm g, o khoản 2 Điều 249 và các Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thành M 08(tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2023 bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Trả lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, kèm sim số cho bị cáo Lê Thành M *(điện thoại cũ, đã qua sử dụng Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng bên trong).*

+ Tịch thu tiêu hủy: 01(Một) bì công văn ghi số: 32/PC09 ngày 28/12/2023 có dấu niêm phong của phòng K1 Công an tỉnh G.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/6/2024 của Cơ quan Công an và Chi cục Thi hành án Dân Sự thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 *(Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án)* và Danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Lê Thành M phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

-Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trong hạn 15 ngày, bị cáo Lê Thành M có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án hôm nay (19/7/2024) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND TP. PleiKu;
-Công an TP PleiKu;
-Chi cục THA D.S TP Pleiku;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
-Lưu HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA